

Số: 28/2023/QĐCNHGT-DS

B, ngày 30 tháng 9 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ khoản 4 Điều 11; các Điều 335, 336, 342, 351; Điều 472; Điều 474, Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 91, Điều 93 Điều 95, Điều 112, Điều 113 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07/05/2014 của Chính phủ qui định về hoạt động của Công ty tài chính và Công ty cho thuê tài chính;

Căn cứ khoản 9 Điều 35 Thông tư 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của Công ty A và ông Biện Q, sinh năm 1979.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 7 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính của Công ty A.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 14 tháng 9 năm 2023 về việc thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

Người khởi kiện: Công ty A

Địa chỉ: Tầng 28, Cao ốc Saigon Trade Centre, số 37 T, phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Ông Cheng, Y, chức vụ: Tổng Giám đốc

Đại diện theo uỷ quyền của ông Cheng, Y: Bà Diệp E, chức vụ: Trưởng phòng Thu hồi Công nợ

Đại diện theo uỷ quyền của bà Diệp E: Ông Nguyễn V, sinh năm 1993 - Nhân viên

Người bị kiện: Ông Biện Q, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ 02, khu phố L, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị D, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ 01, Ch, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 14 tháng 9 năm 2023 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 14 tháng 9 năm 2023, cụ thể như sau:

Ông Biện Q có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty A số tiền nợ là 2.224.951.806đ (Hai tỷ, hai trăm hai mươi bốn triệu, chín trăm năm mươi một nghìn, tám trăm lẻ sáu đồng), trong có gồm: Nợ gốc là: 1.476.840.699đ (Một tỷ bốn trăm bảy mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng), tiền lãi thuê trong hạn: 707.540.894đ (Bảy trăm lẻ bảy triệu năm trăm bốn mươi nghìn tám trăm chín mươi bốn đồng) và tiền lãi chậm thanh toán: 40.570.213đ (Bốn mươi triệu năm trăm bảy mươi nghìn hai trăm mười ba đồng).

Kể từ ngày 15/9/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, ông Biện Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Hợp đồng cho thuê tài chính số B221114501 ngày 14/11/2022, Phụ lục số 01 ngày 14/11/2022, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp không thanh toán được số tiền thuê còn nợ, Công ty A có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án buộc ông Biện Q giao 01 (một) ô tô tải có mui, số loại: LZ1310H7FBT/TTCM-KMI, hiệu: Chenglong, biển số: 93H – 039.08 để Công ty A xử lý, thu hồi nợ

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý Tài sản thuê không đủ để thanh toán số tiền còn nợ hoặc ông Biện Q không giao trả Tài sản thuê, buộc ông Biện Q và Bà Lê Thị D có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Công ty A theo nội dung Thư bảo lãnh cá nhân đã ký ngày 14/11/2022 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền thuê còn nợ.

2. Về lệ phí: Căn cứ Điều 6 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, các đương sự không phải chịu lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND thị xã B.
- Chi cục THADS thị xã B;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Trần Ngọc Mai Phương